

NHỮNG NGƯỜI LÍNH CŨ



Hai người phụ nữ chở nhau trên chiếc xe gắn máy đi vào thành nội Huế, dưới cơn mưa đầu tháng 11. Nước ngập ngang xe, người chở xe là một Ma xơ trẻ, quay đầu lại nói với người ngồi phía sau:

– Cô à, mình xuống dắt xe đi bộ, kéo nước vô trong máy xe, tắt máy bây giờ thì khổ lắm.

Cả hai xuống xe, trời tối, mưa trên đầu, nước lụt ngang bắp chân, hai người đàn bà vừa đi vừa tìm số nhà.

Ma xơ, người địa phương, còn trẻ lắm, và tôi đến (hay về) từ một nơi bên kia địa cầu. Ma xơ chắc đã quen với mưa lũ, và đường phố nên đi nhanh hơn trong khi tôi vừa lạnh vừa dò dẫm trong nước, bước hụt vào một cái ổ gà hay vấp vào vỉa hè, chao đi xuýt ngã mấy lần. Cuối cùng chúng tôi cũng tìm được số nhà muốn tìm. Có người đàn bà đang tát nước ra ngoài lối đi. Tôi hỏi bà:

– Thưa có phải nhà của ông Hồng không ạ?

– Dạ phải, mời bà vào.

Bà mở cổng, chúng tôi vào một lối đi dài, bên phải là mặt chính của nhà, bên trái có năm ba bụi cây cao thấp, trời tối quá không nhìn rõ những chiếc lá, bóng tối làm bụi cây trông như những cái dù to màu đen. Bà chủ nhà như được báo trước sẽ có khách, mời khách đi thẳng vào cuối nhà, chỉ tay lên chiếc gác lửng:

– Em tôi ở trên đó, bà cứ leo lên.

Bà nói xong đi ra, tiếp tục cúi xuống tát nước từ trong nhà ra ngoài đường. Ma xơ ở bên ngoài trông xe, tôi đứng tần ngần nhìn chiếc cầu thang, rồi rụt rè leo lên những bậc gỗ nhỏ. Một người đàn ông đang ngồi trên đó đón tôi bằng khuôn mặt rạng rỡ:

– Em có nhận được phen từ hai hôm nay ở Sài Gòn, nói là sẽ có người ở bên đó đến thăm (Anh dùng chữ bên đó để chỉ người ở nước ngoài về).

Tôi xin lỗi đến trễ một hôm, tôi đã lỡ chuyến máy bay Sài Gòn–Huế hôm trước vì phi trường Phú Bài ngập nước, máy bay không hạ cánh được và chúng tôi mới đến chiều nay. Sau khi lấy phòng ở khách sạn tôi đã may mắn nhờ ngay được một Ma xơ còn trẻ, nhanh nhẹn tìm nhà hộ, nếu không thì chắc sáng mai mới tới được.

Tôi ngồi xuống sàn gác đối diện với anh, hai chân tôi vương vীu vì dài quá và ống quần bị ướt sũng. Trước mặt tôi là người đàn ông trung niên, khỏe mạnh, tươi tỉnh, cụt cả hai chân sát đến thân, ngồi giữa những đồ dùng cá nhân của anh, tôi không nhìn kỹ và nhớ anh có những gì chung quanh, hình như có mấy cuốn sổ lớn nhỏ, cái bình thủy, bình trà, cái radio, quần áo, chăn gối và cái điện thoại cầm tay. Thế giới của anh thu gọn trên gian gác khoảng ba thước vuông. Người lính Thủy Quân Lục Chiến này, không may mắn bị thương tháng 1 năm 1975. Vì mất cả hai chân nên anh không “được” đi cải tạo, vì không được đi cải tạo nên anh không vào được danh sách H.O. Tôi hỏi thăm gia cảnh, được biết anh ở đây với gia đình người chị, anh bị thương khi còn trẻ quá chưa có cơ hội lập gia đình. Anh cho tôi một danh sách của những người bạn cùng hoàn cảnh như anh, so với danh sách tôi nhận được ở Sài Gòn thì có một vài tên khác nhau. Anh nói, phải cẩn thận vì có thể họ không phải là những người Thương Phế Binh thật. Tôi nói, không sao cả miễn là những người này cần được giúp đỡ. Tôi chia tay anh, hẹn trưa ngày mai sẽ gặp mặt mọi người. Anh cầm điện thoại, mở sổ, liên lạc ngay với các bạn, giọng anh dồn dập, gọi từng người:

– Trưa mai, 1 giờ nghe, đến nhận quà, có người bên đó qua thăm.

Tôi và Ma xơ lội nước về khách sạn. Tin tức khí tượng cho biết cơn lũ vẫn tiếp tục dâng. Lũ năm nay là lũ ngậm, có nghĩa là hết cơn nọ, tiếp cơn kia, nên nước không rút kịp, cứ giữ hoài một mực ở những nơi trũng và ở sông Hương. Nước sông Hương đục ngầu vì pha đất bùn. Cả thành phố Huế gầy gò, run rẩy trong mưa lũ, tôi đi ngủ thấy mình bồng bênh trong câu hát Quê hương em nghèo lắm ai ơi! Mùa đông thiếu áo, hè thời thiếu ăn. Trời hành, Trời làm cơn lụt mỗi năm....

Cả đêm trời mưa, đến sáng đổ xuống một cơn mưa lớn, nước trôi phẳng phẳng trên đường Đống Đa, trước cửa khách sạn. Tôi mặc áo dài, trùm áo mưa, bôi rôi lội nước đi lễ ở nhà thờ Dòng Thánh Tâm trên đường Phan Đình Phùng, đi trong nước và gió, tưởng như sắp bị cuốn xuống con nước sông Hương đã dâng mấp mé mặt đường. Nhưng may quá, đến trưa mưa tạnh, nước rút bớt ở một vài con phố. Tôi nhờ Ma xơ chở lại căn nhà hôm qua.

Đến nơi tôi thấy ở gian trước, đã có năm bảy người đàn ông đang ngồi chung quanh chiếc bàn nhỏ chờ tôi tới. Mới thoáng nhìn tất cả mọi người, tôi biết ngay là họ phải có thân nhân chờ tới chứ không thể tự di chuyển được. Thấy tôi đến họ bối rối không biết mời tôi ngồi đâu, tôi đề nghị ngồi cả xuống sàn nhà cho rộng, tôi bỏ giày vào ngồi chung với họ. Ngồi trước mặt họ, tôi thấy có điều gì không ổn, hình như đối với những người đang quây quần nơi này, tôi là người dị tật. Tôi dư hai cái chân. Tôi lúng túng không biết để hai cái chân thừa này vào đâu. Bảy người bạn này, không ai có chân cả, có người lại mất thêm một cánh tay, có một người mù. Chúng tôi nói chuyện với nhau. Tôi hỏi han từng người. Các anh cho biết, phần đông bị thương ở Mùa Hè Đỏ Lửa (1972) có người bị thương ngay đầu năm 1975, lúc đó đang nằm ở Quân Y Viện bị đuổi ra đường. Tôi ngập ngừng hỏi:

– Làm sao mà các anh sống còn cho đến bây giờ, nhất là trong thời gian những năm ngay sau ngày 30 tháng 4.

Các anh cười (đặc biệt lúc nào họ cũng có nụ cười trên miệng)

– Khổ lắm chị ơi! Nhưng chúng em nhất định sống, người thì nương vào vợ con, người thì nương vào cha mẹ, anh chị. Thế rồi chúng em cũng qua được hết. Vài năm mới đây, các anh em ở Sài Gòn nhận được quà của các anh chị bên đó gửi về trước, rồi đến chúng em ở Huế. Mỗi lần lễ tết chúng em có quà cũng có bữa tiệc nhậu nhẹt với nhau, vui lắm, nhưng vẫn phải giữ gìn, kín đáo.

Anh cụt một tay, đưa mẫu tay cụt gần đến khuỷu ra khoe với tôi.

– Em không có hai chân, cụt một tay em vẫn làm thợ lò rèn được, em cuốn dây thép ngay vào chỗ này, để cái phần thép dư ra trên cái đe, tay còn lại em cầm búa đập cho đẹp ra. Cũng kiếm được hai chén cơm một ngày.

Tôi không nói được câu nào, nhìn xuống phần quắt queo của cái tay gãy, tưởng tượng ra sợi thép to bản quấn nghiền vào đó, ngậm ngùi, thán phục.

Đang nói chuyện thì có một anh đi xe lăn đến, anh bị liệt từ lưng trở xuống. Anh không xuống xe, anh ngồi yên trước cửa nhà. Cũng không thấy ai có ý đỡ anh xuống đất ngồi. Anh nói ít, nét mặt buồn buồn, những người bạn khác cho biết. Anh phải nhờ giúp đỡ hoàn toàn về lên, xuống xe, làm vệ sinh, vì anh không thể nào tự đứng lên trên hai chân được. Tụi em tuy cụt cả hai chân, nhưng lê trên hai mông và khỏe hơn anh, nên tự túc vệ sinh cá nhân được.

Tôi ngồi ngắm họ, tám người đàn ông này, vào năm 1975 họ còn trẻ lắm (Người lớn tuổi nhất sinh năm 1939, người trẻ nhất sinh 1954) họ mất cả hai chân, có anh còn mất thêm

một cánh tay, có anh vừa không chân vừa mù. Làm sao mà họ sống còn được với con lốc hậu chiến! Ngay cả người lính còn đủ mắt, mũi, chân tay đã điêu đứng lắm rồi!

Vậy mà sau bao nhiêu khổ nhục họ vẫn tìm đến nhau, dựa lưng vào nhau để tồn tại.

Đây là những câu thơ họ viết cho nhau đọc:

*Tháng tư gậy súng hao gậy
Vòng tay khói thuốc tháng ngày hư hao. –(Hồng Trần)*

*Cũng đôi lần đi qua đường cũ
Núi rừng xưa loang lỗ chừ đã xanh cây
Rừng xanh lá còn đời tôi héo úa
Cũng đôi lần đi qua thành phố cũ
Vết chiến tranh chừ đã tân trang
Phố vươn mình thay da đổi thịt
Riêng đời tôi cứ mãi cơ hàn. –(Nguyễn Nghệ)*

Tôi thương cảm và kính phục họ, trong hoàn cảnh khốn cùng nhất, bằng cách nào đó, họ vẫn đứng vững (không cần chân) và duy trì được tinh thần đồng đội, thái độ bất khuất của những người lính.

Tôi tặng mỗi người một phong bì, một phần thuốc bổ. Khi tôi trao vào tay từng người món quà nhỏ đó lòng tôi thật rung rung, nước mắt ứa ra (mặc dù tôi cố cầm lòng).

Tôi không biết mình muốn nói lời gì để cảm ơn những người lính này? Họ là dấu tích, là niềm tự cao của một thời hòa bình bên này; hay là huy chương, là tinh thần anh dũng của một thời chiến tranh bên kia. Người Việt Nam đứng ở hai bên vĩ tuyến 17, xác định bên này, bên kia theo tiêu chuẩn nào?

Tôi trao đôi địa chỉ với những người bạn mới này, xin số phon liên lạc và danh sách của những anh em ở Quảng Trị. Khi ra về, tôi hứa sẽ không quên họ (?)

Sáng hôm sau trời vẫn còn mưa tầm tã, tôi liên lạc, hẹn gặp được với anh Sự ở Quảng Trị và thuê xe đi La Vang, Quảng Trị. Trên đường từ Huế ra La Vang nước sông dâng cao, có chỗ mấp mé mặt đường, có chỗ ngập tràn tóe nước trên bánh xe chạy. Nhà cửa ruộng vườn hai bên ở thụt xuống nên nước ngập cao cả thước, thỉnh thoảng có một chiếc thuyền chở mấy đứa nhỏ từ trong nhà lên mặt đường, chúng ướt như mấy con thỏ nhỏ vừa bị tuột lông, trông thương quá! Giữa vùng nước bát ngát tôi đọc được trên một tấm bảng dài, sơn đỏ, kẻ chữ vàng: “Việt Nam Dân Chủ Ấm No Quang Vinh Hạnh Phúc”. Tấm bảng đứng ngơ ngáo như một kịch sĩ ra trình diễn không đúng lúc.

Trận Mùa Hè Đỏ Lửa, ngôi giáo đường La Vang bị tàn phá nặng nề, tượng Đức Mẹ thương tích đến xót xa. Tôi đứng trước tượng, bức tượng nhợt nhạt trong mưa, những thương tích còn y nguyên, đôi mắt Mẹ buồn bã cúi nhìn. Tôi biết Đức Mẹ đã hiểu lòng tôi, tôi không cầu nguyện gì riêng cho mình cả, tôi đã dư đến hai cái chân, làm sao dám xin thêm một thứ gì nữa.

Tôi cũng ngạc nhiên là mình không bị cảm lạnh này. Lại đi trong mưa, trong gió, ghé vào Quảng Trị. Vùng đất Quảng Trị nơi người dân Việt có cuộc sống hẩm hiu nhất, vừa nghèo, chó ăn đá gà ăn muối, vừa hứng chịu những trận đánh khốc liệt. Nơi mỗi tấc đất đều thấm máu người trong thời chiến tranh huynh đệ.

Anh Sự hẹn tôi ở khúc đường, cách cầu Thạch Hãn 200 thước, anh đứng trong mưa, trùm chiếc áo mưa đỏ cho dễ nhận. Khi xe dừng lại anh cho biết đã hẹn những anh khác đang đến. Trời vẫn đổ mưa, không vào nhà anh Sự ở sâu trong ngõ được, tụ tập ngay ở quán cà phê bên đường, quán này cũng lại vừa là một cái chợ nhỏ, có người mặc chiếc áo mưa vàng, trên lưng in chữ CATP ghé vào. Anh Sự hơi lộ vẻ lo lắng trên mặt, chữ đó có nghĩa Công An Thành Phố, nhưng ông công an này chỉ ghé vào mua một trái mướp nhỏ trong khi đang công tác, rồi đi.

Lần lượt những chiếc xe ôm thả tám người vào quán. Tôi theo họ vào, họ không mất hai chân như các anh ở Huế, nhưng mỗi người có một bàn chân gỗ thò ra dưới ống quần nhàu nhĩ. Họ trông thảm hại, thiếu thốn quá! Chắc lúc khô ráo đã thảm hại rồi, mưa ướt còn làm tăng thêm nỗi nghèo khổ. Họ không được lạc quan như các anh ở Huế, có anh mang theo cả Chứng Minh Thư có số quân của ngày tháng cũ. Tôi thấy đau lòng quá. Tôi cũng chẳng nói gì với họ được lâu, vì còn phải quay lại Huế, trời thì mưa, lạnh, chỗ đứng trong quán chật hẹp, người ra vào mua bán, và hình như họ cũng không dám tụ họp lâu. Trông họ bồn chồn quá! Tôi ghi tên họ xuống (chỉ lấy tên, không lấy họ) Có hai thanh niên trẻ đi nhận quà cho cha mình. Tôi có địa chỉ và điện thoại của anh Sự rồi. Tôi hứa với lòng là sẽ gọi một vài người bạn rất thân ở ngoài nước giúp những người bạn trong nước này có cái quần, cái áo ấm hơn trong những ngày mưa lụt, có miếng thịt miếng cá to hơn trong ngày lễ tết.

Khi quay xe ra về, tôi nói anh tài xế cho tôi ngừng lại ít phút ở cầu Thạch Hãn. Nơi đây Mùa Hè Đỏ Lửa đã là mồ chôn của bao nhiêu người lính của cả hai miền Bắc Nam.

Một tượng đài được dựng ngay bên cầu Thạch Hãn có mô hình những giọt máu đỏ đang chảy xuống. Tôi hy vọng khi treo những giọt máu này lên tượng đài, ai đó đã hiểu là những giọt máu này không phân biệt Bắc Nam, và chắc chắn một điều, nước dòng sông Thạch Hãn đã hòa máu, nước mắt của dân, quân cả hai miền.

Anh tài xế nói, vụ đánh mùa hè 1972, nơi đây không còn gì sót lại. Không nhà, không chó, không mèo, không người, một vùng đất chết. Tôi nhớ đến câu thơ của Giuseppe Ungaretti (*Thi sĩ Ý 1888-1970*) viết về một ngôi làng bị tàn phá trong chiến tranh. Những bức

tường bị cào nát, người thân chết hết. Không còn gì cả ngoài thánh giá trong tim But in my heart/No cross is missing/My heart is the most tortured village. Trái tim tôi là một ngôi làng bị tra tấn nặng nhất.

Tôi trở về Mỹ mang theo hình ảnh và địa chỉ của những người lính cũ. Trái tim tôi có phải là một ngôi làng đang được chúc phúc hay không?

Trần Mộng Tú

Huế–Quảng Trị – Tháng 11/2007



*Nguồn: Internet eMail by **Phat nguyen chuyển***

*Đăng ngày Thứ Hai Phục Sinh, April 10, 2023
Ban Kỹ Thuật Khóa 10A–72/SQTB/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH*